Mẫu CBTT-03

(Ban hành kem theo thông tư số 38/2007/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN PHÚ TÀI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
QUÝ I NĂM 2010

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	**Tài sản ngắn hạn**	**296,907,417,066**	**301,993,209,559**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	20,880,698,783	15,563,441,390
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	4,270,175,100	4,635,307,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	130,449,163,654	160,383,358,397
4	Hàng tồn kho	134,347,778,170	110,681,872,508
5	Tài sản ngắn hạn khác	6,959,601,359	10,729,230,264
II	**Tài sản dài hạn**	**174,651,532,091**	**167,380,670,239**
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	141,719,536,566	134,481,284,061
	- Tài sản cố định hữu hình	136,820,975,391	129,761,915,670
	- Tài sản cố định vô hình	4,312,745,329	4,196,163,355
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	585,815,846	523,205,036
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	28,336,872,474	28,336,872,474
5	Tài sản dài hạn khác	4,595,123,051	4,562,513,704
III	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**	**646,210,481,248**	**469,373,879,798**
IV	**Nợ phải trả**	**364,442,884,797**	**360,969,674,193**
1	Nợ ngắn hạn	325,922,147,304	321,670,637,319
2	Nợ dài hạn	38,520,737,493	39,299,036,874
V	**Vốn chủ sở hữu**	**107,116,064,360**	**108,404,205,605**
1	Vốn chủ sở hữu	107,116,064,360	108,404,205,605
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	59,999,400,000	59,999,400,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	22,729,465,624	22,729,465,624
	- Vốn khác của chủ sở hữu	1,143,403,682	2,705,578,912
	- Cổ phiếu qũy		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2,114,271,569	
	- Các quỹ	4,679,058,926	5,694,740,666
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	16,450,464,559	17,275,020,403
	- Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản		
2	Nguồn kinh phí và qũy khác		
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		

VI	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**	**471,558,949,157**	**469,373,879,798**

II. KẾT QỦA HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	342,257,177,571	
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	2,263,818,182	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	339,993,359,389	
4	Giá vốn hàng bán	295,712,042,973	
5	Lợi nhuận gộp về bán bàng và cung cấp dịch vụ	44,281,316,416	
6	Doanh thu tài chính	2,046,268,369	
7	Chi phí tài chính	7,938,782,060	
8	Chi phí bán hàng	13,492,720,651	
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	10,744,774,500	
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	14,151,307,574	
11	Thu nhập khác	599,425,208	
12	Chi phí khác	20,822,472	
13	Lợi nhuận khác	578,602,736	
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	14,729,910,310	
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	3,454,829,907	
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	11,275,080,403	
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1,879	
18	Cổ tức cơ bản trên mỗi cổ phiếu (dự kiến)		

III. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH CƠ BẢN

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
1	**Cơ cấu tài sản**	%		
	- Tài sản dài hạn/Tổng Tài sản		27	36
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài sản		46	64
2	**Cơ cấu nguồn vốn**	%		
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn		77	77
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn		23	23
3	**Khả năng thanh toán**	Lần		
	- Khả năng thanh toán nhanh		0.50	0.59
	- Khả năng thanh toán hiện hành		0.91	0.94
4	**Tỷ suất lợi nhuận**	%		
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản		3	2
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần		1	3
	- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn chủ sở hữu		15	10

Ngày 20 tháng 04 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC